TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2023/DSST
Ngày 18-8-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hòa;
2. Bà Lâm Thị Tợi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXX ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Xuân H**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp Láng, xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lưu Thế G**, sinh năm 1962; vắng mặt.
Bà **Võ Thị D**, sinh năm 1962; vắng mặt.
Nơi cư trú: Ấp BL, xã CL, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN THẤY:

Bà Trần Thị Xuân H trình bày:

Ngày 07-8-2022, bà D đến nhà bà vay số tiền 150.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, hẹn bằng lời nói khoảng 15 ngày ngày sau trả lại. Bà đưa tiền mặt cho bà D nhận, bà D có viết biên nhận mượn tiền. Khi bà D mượn tiền, ông G không đi cùng nhưng việc vay tiền ông G biết. Bà có đến nhà gặp ông G thì ông G hứa sẽ nói bà D trả lại tiền cho bà. Bà, bà D, ông G quen thân nên bà không cho ông G ký tên vào giấy mượn tiền.

Nay bà yêu cầu bà D, ông G trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày nộp đơn khởi kiện 18-4-2023 cho đến nay.

Ông Lưu Thế G trình bày: Ông và bà Võ Thị D tuy là vợ chồng, sống chung nhà nhưng việc ai nấy làm. Trong gia đình thì bà D là người giữ tiền, quán xuyến việc chi tiêu gia đình. Việc bà D vay mượn như thế nào ông không biết, bà D không nói với ông. Ông không thấy bà D mua được tài sản gì cho gia đình, gia đình chỉ tỉnh thoảng đi du lịch, ông không biết có việc vay mượn tiền. Trước đây có người tố cáo bà D đến công an huyện Dương Minh Châu. Bà D làm việc xong thì bỏ đi khỏi địa phương, khi đi âm thầm không có báo cho ông hay người thân nào khác. Nay bà Trần Thị Xuân H khởi kiện ông và bà D trả số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật thì ông không đồng ý trả nợ cho bà Trần Thị Xuân H. Đây là nợ riêng của bà D.

Bà Võ Thị D trình bày: Vắng mặt, không tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71; bị đơn vắng mặt không đến Tòa theo giấy triệu tập, không tham gia hòa giải đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 155, 429, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân H đối với bà Võ Thị D, ông Lưu Thế G về tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

Buộc bà Võ Thị D, ông Lưu Thế G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Xuân H số tiền 150.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 18/4/2023.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện, bà H đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bà D. Bà D sau khi bị Công an Huyện Dương Minh Châu làm việc đã đi khỏi địa phương. Ông G không cung cấp địa chỉ hiện nay của bà D. Bà D thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà H được coi là cố tình giấu địa

chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bà D, ông G được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại giấy nợ ngày 07-8-2022, do bà D viết nhận nợ, thể hiện bà D vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 11-11-2022 tại Công an Huyện Dương Minh Châu, bà D cũng thừa nhận bà có vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng chưa trả. Do đó lời khai của bà H về việc bà D còn nợ bà 150.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Ông G cho rằng khoản nợ 150.000.000 đồng là nợ riêng của bà D, ông không biết, không đồng ý trả nợ.

Thấy rằng, bà D vay tiền của nhiều người trong thời gian dài với số tiền lớn, trong đó có bà H với số tiền 150.000.000 đồng. Tại thời điểm bà D vay tiền, bà D và ông G còn chung sống. Ông G thừa nhận bà D là người chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, gia đình ông thường đi du lịch trong khi bà D nghỉ hưu sớm do mất sức lao động, ông G làm ruộng. Ông G khai ông không biết về các khoản nợ của bà D là không có căn cứ chấp nhận. Ông G có trách nhiệm cùng bà D trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng theo khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tiền lãi: Tại biên bản ngày 11-11-2022 tại Công an Huyện Dương Minh Châu, bà D khai bà vay tiền bà H với mức lãi 15.000.000 đồng/30 ngày nhưng bà H không thừa nhận, bà H cho rằng hai bên không thoả thận lãi. Do hai bên không xác định rõ lãi suất, có tranh chấp về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Bà H yêu cầu tính lãi tính từ thời điểm nộp đơn khởi kiện ngày 18-4-2023 cho đến nay (ngày 18-8-2013) là phù hợp nên ghi nhận.

Tiền lãi cụ thể: 10%/năm x 150.000.000 đồng x 04 tháng = 5.000.000 đồng.

Như vậy, ông G, bà D có trách nhiệm liên đới trả bà D số tiền: 150.000.000 đồng + 5.000.000 đồng = 155.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Bà D, ông G phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà H được chấp nhận: 155.000.000 đồng x 5% = 7.750.000 đồng.

Bà H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 155, 429, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân H đối với bà Võ Thị D, ông Lưu Thế G.

1.1. Buộc bà Võ Thị D, ông Lưu Thế G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Xuân H số tiền là 155.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi 5.000.000 đồng).

1.2. Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày 19-8-2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Võ Thị D, ông Lưu Thế G phải chịu 7.750.000 *(bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng.

2.2. Bà Trần Thị Xuân H không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho bà Trần Thị Xuân H số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 *(ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013300 ngày 18 tháng 4 năm 2023.

3. "Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

4. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CC THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TẠ THỊ HẠ